

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)
MÔN: HÓA HỌC 11

STT	Nội dung kiến thức	Đặc tả đề	Câu hỏi theo mức độ nhận thức																Số câu hỏi TN và TL		Tổng số câu hỏi	Tỉ lệ %	Thời gian
			Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng				Vận dụng cao								
			Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	TN	TL			
1	Ngữ âm	Phát âm (câu 1-2) /ð/ - /θ/ /k/ - /tʃ/ - /f/	1	0.75	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	4%	1.75
		Trọng âm (câu 3-4) unit 7, 8	1	0.75	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	4%	1.75
2	Từ vựng - Ngữ pháp	Ngữ pháp (câu 5-8) câu điều kiện, câu tường thuật, dạng động từ, giới từ, mạo từ, đại từ bất định,...	1	0.5	0	0	1	0.75	0	0	1	1	0	0	1	1.25	0	0	4	0	4	8%	3.5
		Từ vựng (câu 9-13) Unit 6,7, 8	1	0.5	0	0	2	1.5	0	0	1	1	0	0	1	1.25	0	0	5	0	5	10%	4.25
		Từ đồng nghĩa (câu 14-15) Unit6, 7, 8	1	0.75	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	4%	1.75
		Tìm lỗi sai (câu 16-18) Unit 6,7, 8	1	0.75	0	0	1	1	0	0	1	1.25	0	0	0	0	0	0	3	0	3	6%	3
3	Chức năng ngôn ngữ	Chức năng giao tiếp (câu 19-20) Lời đề nghị, lời chào, cảm ơn, hỏi,...	1	1	0	0	1	1.5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	4%	2.5
4	Kỹ năng viết	Word form (câu 21-25) Unit 7, 8	0	0	2	2	0	0	1	1.25	0	0	2	3	0	0	0	0	0	5	5	10%	6.25
		Verb tense (câu 26-30) Thì trong câu điều kiện loại 1, 2, 3	0	0	2	2	0	0	2	3	0	0	1	2	0	0	0	0	0	5	5	10%	7
		Verb form (câu 31-36) chủ động (V-ing, to V, V) bị động (being + V3/ed, to be + V3/ed)	0	0	2	1.5	0	0	1	1	0	0	1	1.5	0	0	1	1.75	0	5	5	10%	5.75
		Viết lại câu (câu 37-40) Viết lại câu chuyển hình thức của động từ (to V, V-ing, V), tường thuật dạng To V/ V-ing, tường thuật câu điều kiện	0	0	1	1	0	0	1	1.5	0	0	1	2	0	0	2	6	0	5	5	10%	10.5

STT	Nội dung kiến thức	Đặc tả đề	Câu hỏi theo mức độ nhận thức																Số câu hỏi TN và TL		Tổng số câu hỏi	Tỉ lệ %	Thời gian
			Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng				Vận dụng cao								
			Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	Số câu TN	Thời gian	Số câu TL	Thời gian	TN	TL			
5		Kỹ năng đọc hiểu (câu 41-45) Chủ đề: unit 7, 8 (World population, life in the future)	0	0	3	3	0	0	1	1.5	0	0	1	2.5	0	0	0	0	0	5	5	10%	7
6		Kỹ năng nghe (câu 46-50) Chủ đề: Party	0	0	3	3	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	5	5	10%	5
Số lượng câu hỏi và thời gian phần TN, TL			7	5	13	12.5	8	7.75	7	9.25	3	3.25	7	12	2	2.5	3	7.75	20	30	50	100%	60
Tổng số lượng câu hỏi theo mức độ			20				15				10				5						50		
Tỉ lệ %			40%				30%				20%				10%							100%	